

CHƯƠNG HAI

1.

Lê Nguyên Vũ nhìn tấm lịch treo tường: *ngày 2 tháng 10 năm 1954*. Hai chữ chủ nhật màu đỏ nổi bật trên bìa xanh đậm nhạt in cảnh Chùa Một Cột. Nhìn qua kính cửa sổ, bên ngoài trời vẫn còn mưa, màn mưa xiên xiên, gió lay nhẹ cành liễu rủ chòm lá xanh mượt, dòng đưa bộ tóc dài sũng nước.

Phía trên cửa ra vào, chiếc đồng hồ cổ, hộp bằng gỗ mun vẫn bóng lộn. Mỗi lần ngồi đây Vũ có thói quen ngắm quả lắc hình mặt trời óng ánh chuyển động không mệt mỏi, đã mấy năm rồi anh vẫn thấy nó cần cù, kiên nhẫn ghi dấu thời gian. Chiếc kim dài bỗng rung nhẹ,

tám tiếng chuông cách quãng đều đều ngân cao và trong, giấy thiều xổ nhè nhẹ từng mức điểm giờ nghe khá rõ.

Chú nhỏ cao gầy, nét mặt lạnh lùng thiếu hẳn vẻ sinh động tuổi thơ, bước đi nhẹ nhàng, đôi dép như không chạm nền, kiểu di chuyển khi phụ lễ trước bàn thờ chúa. Chú đến cạnh Vũ, khoanh tay lễ phép:

- Thưa thầy, cha vừa đi làm lễ về đang dở ăn sáng. Cha mời thầy ngồi chơi chốc lát.

- Cảm ơn em. Tôi chờ.

Vũ nhìn theo chú nhỏ đi vào phía hành lang âm u tối giữa hai dãy phòng có hai hàng cửa đối diện nhau đóng kín.

Chủ nhỏ hầu linh mục Bửu Dương đã quen biết Vũ mấy năm rồi. Chú cũng theo cách xưng hô của cha Dương với Vũ bằng “thầy” do anh vừa theo học đại học vừa đi dạy tư tại trường trung học Nam Đồng của Dòng Chúa Cứu Thế ở Ô Chợ Dừa Hà Nội.

Trong những năm ở trung học Alexandre de Rhodes của Nhà Chung Thanh Hóa, có các linh mục nước ngoài giảng dạy, giáo sư linh mục Poncé rất mến Vũ, thường cho phép anh ở lại trong khuôn viên Nhà Chung kề cận cha.

Nhờ đó Vũ quen biết linh mục Dương mỗi lần từ Hà Nội vào thăm cha Poncé. Hồi đó cha Dương tưởng rằng Vũ là tập sinh của Nhà Chung nên mấy năm học cha ở Đại học này cha dành cho Vũ tình cảm khá đặc biệt.

Cửa chính hướng ra khoảng sân rộng, bên kia là góc trái giảng đường đại học Văn Khoa. Bốn năm qua Vũ đã gắn bó với nơi này. Giờ đây tất cả đều vắng lặng, trường không còn mở lại từ sau hè. Bức tường rêu ẩm ướt trước đây Vũ không chú ý, bây giờ nhìn lại như xa lạ, mấy bụi cỏ mỏng manh vươn lên từ sát chân tường sống bám vào các lỗ xói mòn trên mặt đá.

... Thế mà thấm thoát đã hơn bốn năm kể từ tháng 6 năm 1950, Vũ nhận lệnh vào Hà Nội, không phải để công tác mà để học thêm. Đã một lần từ giã bút nghiên khoác thanh mã tấu lên đường, đang hăng say quần thảo với quân thù, trong tình thương của đồng bào, đồng chí, bỗng anh phải dứt áo ra đi, vào vùng địch chiếm. Lúc đầu Vũ không khỏi băn khoăn, nhưng thủ trưởng cơ quan *Trung tâm* đã giải thích: “Học cũng là nhiệm vụ. Cứ học đi, giật được mảnh bằng cử nhân coi như đồng chí đã cướp được súng giặc để đánh giặc”. Cách đây bốn

tháng, ngày đi nhận bằng, Vũ cảm thấy mảnh giấy ấy như có sức mạnh trên tay. Súng đã cướp được rồi - anh nghĩ - nhưng bao giờ mới khai hỏa? Và khai hỏa như thế nào?...

Đó cũng là những ngày sôi động giữa Hà Nội. Chiến thắng Điện Biên Phủ, tin về hiệp định đình chiến sắp ký kết, Pháp rút quân khỏi miền Bắc, Chính phủ ta về thủ đô... Người hoan hỉ, náo nức; kẻ nhớn nhác lo sợ. Vũ được bí mật đưa ra ngoài học tập, khóa đặc biệt. Anh chị em, đồng chí khác được tập trung đông vui, thảo luận đường lối chính sách chuẩn bị cho ngày tiếp quản thủ đô... Anh thui thủi một thầy, một trò trong một trang trại vắng vẻ ở khu căn cứ vùng trung du. Cách biệt với tất cả, tuy vậy không khí hồ hởi những ngày hòa bình lập lại, miền Bắc giải phóng, vẫn lan tràn vào tận trang trại này.

Học hết khóa, được lệnh trở lại Hà Nội để vào Nam, Vũ rất sung sướng được thủ trưởng *Trung tâm* gọi anh đến gặp. Cuộc gặp gỡ thật xúc động! Vẫn đồng chí quen thuộc ấy, mấy năm trước tóc còn xanh, nay đã lốm đốm bạc, nhưng người vẫn nhanh nhẹn, thoải mái. Ông nhìn Vũ, cười nói ngay:

- Mới bốn năm mà coi ra đã lớn lên nhiều!

Ông ngắm Vũ, gật gù:

- Xem nào! Khỏe là yếu tố của tinh thần minh mẫn. Đẹp, yếu tố chinh phục. Hà, hà! - ông cười thành tiếng - thư sinh, chất phác là yếu tố bất ngờ đấy. Kẻ thù rất dễ mất cảnh giác trước dáng vẻ "học trò" này!

Ông hỏi luôn:

- Sao, đã được tập huấn kỹ càng về nhiệm vụ rồi, bây giờ nhận quyết định vào Nam công tác lâu dài, còn băn khoăn gì nữa không?

Hỏi nhưng không chờ Vũ trả lời, ông thấp giọng thiết tha:

- Gần năm năm bà cụ vắng tin đưa con trai một cửa mình, nhớ lắm. Tôi đã suy nghĩ, tính toán, định bố trí cho đồng chí về thăm mẹ trước khi đi, nhưng cuối cùng thấy cách nào cũng bất lợi. Hiện nay, ở đâu cũng có kẻ xấu dựa thời cơ trốn chạy vào Nam. Đồng chí đã có công xóa dấu vết cũ trong bốn năm nằm yên trong Hà Nội, đã mở được quan hệ với các đầu mối thù, chúng ta để sơ hở lúc này thật đáng tiếc. đành chấp nhận hy sinh tình cảm vậy thôi.

Vũ xúc động trước những lời nói và thái độ thiết tha đó. Thật vậy, Vũ không có điều

mong muốn nào hơn là gặp lại mẹ lúc này. Bố mất sớm, nhà chỉ còn mẹ và bốn chị em gái. Mẹ thương Vũ nhất vì chỉ một mình Vũ là trai. Mấy năm qua, các chị tìm cách nhặn Vũ, mẹ trông, khóc hoài, nhưng làm sao được? Vũ đã cắt đứt mọi liên hệ, xóa bỏ hết các dấu vết về quê hương, làng xóm, gia đình đối với người khác ở Hà Nội, làm sao có thể về gặp lại mẹ? Vũ đã nghĩ trước đến điều này, chân thành trả lời thủ trưởng:

- Thưa đồng chí, tôi hiểu. Xin sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Thủ trưởng gật đầu nhẹ nhẹ. Vẫn với giọng đang hạ thấp xuống đó, ông nói tiếp, rành rọt:

- Đồng chí trở vào Hà Nội, còn phải làm việc ít ngày nữa với đồng chí trợ lý Thành Minh. Cần nghiên cứu thật kỹ địa bàn hoạt động, nắm vững tình hình miền Nam, đặc biệt là tình hình ở Sài Gòn, trước khi lên đường. Đồng chí Thành Minh đã vào Hà Nội mấy hôm nay rồi, đành phải gặp nhau ngay trong đó, để tranh thủ giải quyết cùng lúc nhiều công việc khẩn cấp khác. Lúc này, kẻ thù của chúng ta đang bay chứ không phải chạy. Chúng vượt hàng ngàn cây số nhào vào miền Nam như bướm ma

thấy lửa, không cho phép ta đi bộ ngắm trăng đâu!

Ông ngừng giây lát, nhắc thêm về nhiệm vụ công tác của Vũ rồi bắt tay, kéo ôm Vũ. Cuộc chia tay ngắn ngủi, nhưng lúc này nhớ lại, Vũ cảm thấy xốn xang.

*

2.

Tiếng giày da từ phía hành lang vắng vào khi nặng khi nhẹ, cắt đứt dòng suy tư của Vũ. Anh nhận rõ bước đi quen thuộc của giáo sư triết học Đông phương: linh mục Bửu Dưỡng. Ông ta đã đứng ngay trước cửa, người tầm thước nhưng to ngang, dáng hơi lệch vì chân thấp chân cao, vẫn với chiếc áo dài rộng trắng có dây buộc bên hông, vẫn cặp kính cận đây làm bóng thêm vùng trán hói. Tổ ra mừng rỡ, ông vội tiến lên trước Vũ:

- Thầy Vũ! Tưởng bỏ tôi đi trước rồi? Nghỉ hè đi những đâu mà biệt, có gì vui không?

Vũ siết nhẹ bàn tay mập mập. Anh không trả lời vào câu hỏi của linh mục, tỏ ra mình

cũng mừng rỡ và nôn nóng được gặp ông ta:

- Cha mạnh giỏi? Trên đường về đây, tôi cứ băn khoăn không biết còn gặp Cha nữa không, giờ được gặp quả là may mắn. Trở về thấy thiên hạ bỏ đi gần hết, tôi đến xin ý kiến Cha, đi Nam hay ở lại?

Cha Dương kéo Vũ cùng ngồi, cặp mắt trợn trừng sau làn kính trắng nhìn thẳng vào mắt anh. Ông ta hỏi lại:

- Ở với Việt Minh cộng sản à? Có điên không đấy?

- Thế ra Cha đã quyết định đi Nam?

- Nếu ngày mai thầy mới tới, sẽ không còn gặp tôi rồi.

Vũ thở dài nhẹ nhàng:

- Kể cũng lạ thật, chúng ta cùng hoạt động chung trong Chi hội hòa bình thế giới. Cha đã từng gờ tay đòi hai bên chấm dứt chiến tranh để thôi chém giết, nay đã có ký kết đình chiến, Cha lại bỏ đi vào Nam!

- Chính tôi cũng đã băn khoăn như vậy, nhưng bất ngờ các Cha đồng Dò ở Sài Gòn ra tìm, buộc tôi vào tiếp tục dạy đại học và giao cho sáng sớm mai đi. Tôi cũng đã suy nghĩ, chúng ta ai chẳng mong muốn có hòa bình,

nhưng phải là... phải là...

Linh mục ngừng lại xoa trán, vò đầu, cố tìm một tiếng gì diễn đạt cho đúng ý, cuối cùng chặc lưỡi:

- ... Phải là loại hòa bình không cộng sản kia!

Ông ta đưa thân mình về phía trước hai bàn tay đặt xuống bàn, như muốn ghé gần lại người đối thoại:

- Các cha Dòng cho tôi biết miền Nam sẽ thành một quốc gia độc lập, như Đài Loan của Trung Hoa, dưới sự bảo trợ toàn diện của Mỹ. Như vậy thì loại hòa bình ở miền Nam không phải là hòa bình trong tay quân đội Pháp, cũng không phải là cộng sản Việt Minh, mà thực sự là của chính phủ Ngô Đình Diệm, một con chiên trung thành của Chúa Cứu Thế. Ông Diệm sẽ cương quyết xây dựng một nền hòa bình đúng theo ý Chúa.

Trong những năm gần gũi, Vũ đã hiểu cha giáo sư triết học cổ điển này. Xuất thân từ một gia đình quan lại ở triều đình Huế, bản chất phong kiến, tôn sùng đạo Khổng. Ông ta từng thiết tha với một xã hội trong đó là tôn ti trật tự theo kiểu Quân - Sư - Phụ - Dân thứ cho

rõ ràng. Mỗi khi giảng bài, ông ta vừa làm bốn phận tông đồ của một cha cố, vừa không quên để thêm vào từ chương của Tứ thư, Ngũ kinh, những lời của Chúa Giê-su Ki-tô, nào Bình đẳng, Bác ái, nào thương yêu nhau như anh em. Ông tin rằng trong một xã hội mà tất cả đều là con chiên của Chúa, mọi người đều theo lời Khổng Mạnh, chịu an phận thủ thường, thì hòa bình sẽ vĩnh cửu. Vậy mà bây giờ, ông ta thốt ra những lời mang tính chính trị thời cuộc. Rõ ràng ông đã quan tâm nhiều đến những gì các cha cố dòng Dòng từ Sài Gòn ra tâm sự.

Hai má của linh mục chảy xuống quá xương cằm, rung nhè nhẹ. Vũ thường thấy biểu hiện cảm xúc đột ngột đó những khi cha đứng nguyện cầu trước bàn thờ Chúa. Anh ngồi im lặng, quan sát, tin rằng ông ta sẽ nói rõ ra với anh niềm cảm xúc đang trào lên trong lòng ông. Anh là một sinh viên tin yêu của ông. Anh sinh ra trong một gia đình nho giáo, từ nhỏ đã học chữ Hán, đọc thông được Tứ thư, Ngũ kinh, vì vậy anh vào Hà Nội học, vị linh mục giáo sư triết học Đông phương này rất ngạc nhiên về sự hiểu biết của anh, đem lòng quý mến anh đặc biệt. Hơn nữa linh mục Dương Bảo vẫn tưởng anh là tu sĩ và cha Pông-xê (đã qua đời) là cha linh

hồn của anh. Ngoài ra, còn các hoạt động trong “Chi hội hòa bình Việt Nam”, nằm trong “Hội hòa bình thế giới” bịp bợm hồi bấy giờ, do bọn đế quốc chi phối. “Chi hội hòa bình Việt Nam” được thành lập, kết nạp bọn Đại Việt, quan lại và một số giáo sư, bác sĩ. Chúng mời linh mục Dương Bảo làm chủ tịch danh dự và đề nghị mở rộng tổ chức ra trong sinh viên. Vũ được chọn mời đi vận động, được bầu vào Ban chấp hành, làm ủy viên tổ chức...

Bám vào Thiên Chúa giáo, bám vào Dương Bảo làm chỗ tựa có lợi cho hoạt động của Vũ sau này. Được trên chấp thuận, anh càng tới lui, gần gũi Dương Bảo, chiếm được cảm tình và lòng tin của linh mục. Cha thường không dè dặt tâm sự với anh. Cha đang thấp giọng tỏ bày:

- Những bản khoản của tôi đã được các cha Dòng giải đáp. Chúa đã nhận lời cầu xin của chúng ta, ban cho chúng ta hai điều ước nguyện: một quốc gia độc lập, một giáo hội độc lập!

Ông ta ngừng lại làm dấu thánh giá để lấy bình tĩnh sau cơn xúc động, giọng càng thân mật:

- Nếu một tháng trước đây, thầy về gặp tôi hỏi đi hay ở, thì như đối với khá đông các con chiến đã đến hỏi, tôi đã trả lời: đi, ở là tùy hoàn cảnh và ý riêng của mỗi người. Nhưng lúc này, tôi mạnh dạn khuyên thầy di cư vào Nam. Với tính ham học, với sự thông minh, thầy vào đó, luận án tiến sĩ thầy đoạt được không khó, tương lai sẽ nhiều hứa hẹn. Những người bạn của chúng ta hiện nay đã qui tụ xung quanh ông Diệm tháng trước họ đã tới nhắn tôi tìm thầy, thúc thầy vào sớm.

Vũ thoáng nghĩ rất nhanh những người bạn đó là ai? Hoàng Văn, Trần Kim Tuyến, Trần Đình... Họ đang làm gì ở Sài Gòn lúc này?... Cha Bảo lưu luyện đưa chân Vũ ra tận cổng ngoài:

- Thầy định bao giờ đi?

Vũ tính thầm giây lát:

- Thưa, kịp thì vào chủ nhật tới.

- Tôi vào trước sẽ tin cho các bạn thầy biết.

Cả hai đứng nắm tay nhau thật lâu, trên vai áo đã đầy những giọt nước li ti. Vũ thả bàn tay mập ăm ăm của linh mục, chúc ông ta bình an trong chuyến đi xa này.

... * ...
...
3. ...

Cơ quan dành cho đồng chí trợ lý đón Vũ đến làm việc trong một căn phòng kín đáo, ẩm cúng, trên tầng ba, căn nhà ở phố *Thuốc Bắc*.

Đã ba ngày, Vũ quên hết cảnh bên ngoài, quên cả thời gian, say mê nghiên cứu tài liệu. Những bản chụp văn kiện của cơ quan tình báo Pháp, một số công văn tuyệt mật cấp này gửi cấp khác trong nội bộ quân địch. Vũ thích thú trước những khám phá mới, cảm thấy như đang sống trong thế giới bí ẩn của kẻ thù, ngay giữa Sài Gòn, trong lòng miền Nam, nơi mà anh chưa hề đặt chân tới. Mỗi lúc Vũ mỗi thêm thêm phục lớp đàn anh đi trước, những chiến sĩ tình báo của ta, đã thu thập được những tài liệu quý giá này. Anh không khỏi bồn chồn nghĩ tới nhiệm vụ ngày mai liệu mình có theo kịp được bước đi trước của lớp đàn anh?

Đồng chí Thành Minh đẩy cửa bước vào, với tiếng cười ngật ngật:

- Ăn đã chứ? Quên đói rồi sao?

Vũ ngược mắt, tay vẫn còn giữ chỗ đánh dấu tài liệu đang đọc dở:

- Xin để tôi tiếp tục. Tài liệu còn nhiều, nếu có thể anh cho tôi một miếng bánh mì...

- Được thôi, mình đưa cơm vào cùng ăn với nhau nhé!

Thành Minh chỉ hơn Vũ vài ba tuổi nhưng già dặn trông tưởng hơn cả mười năm. Vừa có kinh nghiệm nghiệp vụ, vừa có khả năng huấn luyện, tính tình rất cởi mở, trong mấy tháng gần gũi Vũ cảm thấy anh như muốn trao tất cả những hiểu biết của anh cho Vũ như một võ sư cố truyền cho môn đệ đến thế võ cuối cùng, quyết giúp học trò chiến thắng địch thủ.

Xong bữa cơm đơn giản, vừa uống nước, Thành Minh vừa hỏi Vũ:

- Đến lúc này đã nắm được tình hình chung địa bàn hoạt động của mình chưa?

- Vâng, đã hình dung được khái quát. Có lẽ anh tập trung phần lớn tài liệu vào hướng mục tiêu công tác trước mắt của tôi, nên có rất nhiều về những tổ chức vũ trang đội lốt giáo phái, lý lịch những tên cầm đầu có những biệt danh rất "anh ch.": Bảy Viễn, Năm Lửa, Ba Cụt, Hai Ngoán... rồi đảng phái phản động lúc

nhúc hàng chục danh xưng: Liên Minh, Cấp Tiến, Việt Cách, Lực Việt...

Thành Minh châm thuốc hút, chậm rãi giải thích:

- Lúc này những tên tướng rừng xanh, những phần tử lưu manh chính trị đang bu quanh bọn CIA để cầu xin những chiếc ghế trong tổ chức nguy quyền Ngô Đình Diệm. Có nhiều tên đã nghiệm nhiên là bộ trưởng của nguy quyền liên hiệp giữa hai tập đoàn tay sai Pháp, Mỹ vừa hình thành ở Sài Gòn. Ý đồ của Mỹ khá rõ khi đưa Ngô Đình Diệm về. Trước sau gì Diệm cũng sẽ thay thế Bảo Đại, tức là Mỹ ra mặt hất cẳng Pháp, trực tiếp xâm nhập miền Nam. Vậy thì mâu thuẫn Pháp, Mỹ sẽ diễn biến ra sao? Gay gắt hơn, hay Pháp cúi đầu chịu thuận phục?

Anh ngừng lại giây lát, mắt hướng về phía trước như cố tưởng tượng ra con đường có nhiều chướng ngại mà Vũ sẽ phải vượt qua:

- Hai năm, từ đây đến cuối 1956, giai đoạn chuyển biến rất mới, rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi hoạt động nội địch của ta phải hết sức tỉnh táo, dũng cảm và sáng tạo. Mục tiêu chính của chúng ta lúc này là âm mưu của Mỹ, trong

khi chúng ta chưa có kinh nghiệm đương đầu với chúng...

Hai người trao đổi tiếp với nhau một lúc nữa, rồi Thành Minh coi giờ, đứng lên:

- Thôi, tôi phải đi. Anh nghiên cứu kỹ các đối tượng mà trong tương lai có thể sẽ phải tìm đến với chúng. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng một phương án hành động. Lại còn bao nhiêu việc phải làm nữa, như qui ước mật mã, liên lạc, tiếp xúc sau này... Thời gian không chờ chúng ta!

Vũ lại vùi đầu vào đóng hồ sơ, tài liệu, do Thành Minh giao cho. Anh hầu như tách biệt với không khí sôi động bên ngoài của thủ đô đang gấp rút chuẩn bị đón ngày quân đội ta về. Từng trang tài liệu như hút hết tâm trí anh.

*

"Hồ sơ tuyệt mật.

Số... Phòng nhì quân đội viễn chinh Pháp tổng hợp.

Ngày... tháng... năm 1953.

"Đồng bằng sông Cửu Long rộng mênh mông như biển, nổi lên bảy ngọn núi không cao, chiếm hẳn một khoảnh đất rừng âm u trong

quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc. Không xa, bên kia là biên giới Cao Miên. Tại đây dân gian có rất nhiều câu chuyện truyền thuyết ma quái, cũng là nơi thuận lợi cho các tổ chức buôn lậu, trộm cướp làm sào huyệt ẩn náu. Cạnh sông Vàm Nao, con sông nối liền sông Hậu và đoạn cuối sông Cửu Long, một cù lao do đất bồi tạo thành, ruộng đất phì nhiêu, lúa tốt, cây trái quanh năm trĩu cành, đó là làng Hòa Hảo. Ông Huỳnh Công Bộ, một chủ đất giàu có, làm hương cả làng này. Ông sinh một người con trai vào năm Kỷ Mùi (theo dân bản xứ gọi là năm con Dê), tức là năm 1919. Ông ta đặt tên cho người con trai đó là Huỳnh Phú Sổ. Cậu Sổ lớn lên không bình thường như các trẻ đồng lúa. Cậu ốm yếu, xanh xao, còi xương, thiếu máu, hàng năm thuốc thang liên tục. Năm cậu ta lên mười, có người mách bảo trong hòn núi Cấm, một trong bảy hòn núi nói trên, có ông thầy Miên chuyên làm bùa phép, châm cứu trị bệnh rất giỏi, đó là ông đạo Xom ở chùa Trà Sơn. Ông Bộ gửi con trai cho ông đạo này chữa trị. Cậu Sổ ở tại chùa năm năm, vừa trị bệnh vừa học bùa phép. Ông đạo Xom còn dạy cho cậu ta học thuộc bộ sách giáo lý của nhà sư Nguyễn Văn Quyền, một nhà sư đã được vua Minh Mạng

phong là "Phật thầy Tây An", chính là người sáng lập ngôi chùa Trà Sơn này. Sau khi truyền dạy cho người học trò duy nhất về bùa ngải, thuốc nam, châm cứu, cậu Sở thành nghề thì ông đạo Xom chết. Cậu ta trưởng thành nhưng vẫn gày ốm xanh xao, để tóc dài ngang vai, đặc biệt có bộ mặt sáng sủa, có cặp mắt mơ màng trông xa xăm, huyền bí. Người thanh niên đó đã trở thành chủ chùa Trà Sơn, thay đạo Xom tiếp tục hành nghề bùa phép, chữa bệnh. Nhưng chỉ vài năm sau ông hương Bộ bắt buộc con trai phải trở về nhà.

"Ngày 19 âm lịch, nhằm tháng 5 năm Kỷ Mão (1939), giữa đêm mưa gió, chàng thanh niên đạo sĩ ấy, không rõ do sự kích thích nào, bỗng đồng đứng trước bàn thờ, tuyên cáo là Phật thầy Tây An giảng nhập xác thân, truyền cho ông hương Cả phải gọi tất cả dân làng đến cho Phật thầy truyền giảng. Ông Bộ vốn đương là chủ làng, nên việc họp dân không mấy khó khăn cho dù đêm hôm mưa gió.

"Những người có mặt đêm đó chứng kiến chàng thanh niên sắc mặt hồng hào, mắt long lanh huyền bí, đang đứng trước bàn thờ đèn nhang sáng rực, tuyên bố sẽ lập nền đạo mới do lệnh truyền của Phật thầy Tây An, để cứu

nhân độ thế, cấp thuốc chữa bệnh, cho bùa tránh nạn, răn sống ngay lành, thờ Phật Trời giảng phúc. Đạo Phật giáo Hòa Hảo ra đời kể từ đêm hôm đó. Về sau này ông Huỳnh Phú Sổ được tôn xưng là "Đức thầy" tức là Phật thầy Tây An giảng phạm thông qua thân xác người thanh niên đạo sĩ ấy.

"Giáo lý của đạo Phật giáo Hòa Hảo, do chính ông Sổ tự soạn, rất đơn giản. Cơ bản rút ra từ nền Phật học cổ truyền, dạy tín đồ ăn ở nhân đức làm đầu, gồm bốn điều răn: Không si mê rượu chè, cờ bạc, hút sách - không ăn thịt trâu bò - không tham lam cướp bóc, lấy vợ người - không giết chóc lẫn nhau. Và tám điều khuyên làm điều thiện. Về nghi lễ thờ phụng cũng đơn sơ, không cần có đền chùa, mỗi gia đình lập một bàn thờ đặt ở phía ngoài sân trước nhà, chỉ một tấm ván nhỏ đóng trên chiếc cột cao bằng đầu người, phía trên treo một lá bùa bằng vải nâu, sau này trở thành cờ đạo. Chính nhờ sự đơn sơ đó, đạo rất thích hợp với cuộc sống cũng đơn giản của nhân dân miền Nam. Người ta chỉ nghĩ rằng, cúng thờ Phật Trời là điều nên làm, không tốn kém, chẳng phiền phức, mà lại được phúc. Điều suy nghĩ đó đã đưa đến sự phát triển tín đồ mau lẹ và rộng khắp một

vùng.

“Tiếng tăm lan truyền Đức thầy Hòa Hảo chữa bệnh không lấy tiền đã là sự thu hút, rồi bệnh gì thầy chữa cũng lành, càng thêm hấp dẫn. Dân chúng khắp nơi kéo đến xin thuốc, xin bùa đông nghệt bến đò Bình Thủy, con đò không kịp chở khách qua sông, khách phải ngủ lại ban đêm chờ đến lượt mình. Danh tiếng Đức thầy lớn lên, một số người nảy sinh ý đồ lợi dụng. Trong số đó có ông điền chủ Lê Công Bộ, đem xe nhà tự đưa đón thầy đi giảng đạo, chữa bệnh ở các tỉnh Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên và Mỹ Tho. Đến đâu thầy cũng lo giảng đạo, chữa lành một số bệnh ngặt nghèo. Thầy không nhận tiền, nhưng số người lợi dụng, sẵn sàng nhận riêng, nói là để chi phí đi lại, nhưng thực ra bỏ túi. Trong mấy năm đi giảng đạo, dân chúng các nơi đua nhau làm bàn thiên thờ cúng coi như theo đạo, theo Thầy. Tín đồ phát triển khắp nơi. Trong khi đó, số người lợi dụng không dừng lại, chúng chuyển qua lợi dụng chính trị. Bọn Nhật không bỏ lỡ cơ hội, cho tay sai theo Thầy xin làm đệ tử, tuyên truyền cho thuyết Đại Đông Á. Nhà đương cục Pháp lúc đó thấy nguy cơ, liền bắt Thầy giữ trong nhà thương điên Chợ Quán mười tháng, kết tội

phá rối an ninh, trật tự. Tháng 5 năm 1941, giải Thầy về thị xã Bạc Liêu, bắt quản chế tại đó, ý định tách rời ra khỏi vùng ảnh hưởng của Thầy. Nhưng đến tháng 10 năm 1942, hiến binh Nhật tự động rước Thầy về Sài Gòn cùng với ý định lợi dụng vào mục đích riêng của chúng.

“Từ đó quân Nhật đã cung cấp vũ khí cho số tay sai đội lốt tín đồ, lấy danh nghĩa bảo vệ Đức thầy và nền đạo công khai lấn chiếm một số vùng, nắm quyền hương chức trong các làng xã, tiến tới lớn mạnh dần cả thế và lực. Năm 1944, Nhật lập các đại đội bảo an, công khai chống nhà đương cục Pháp. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, lực lượng vũ trang mệnh danh “linh đạo Hòa Hảo”, dưới sự che chở của quân Nhật chiếm thị trấn tỉnh Cần Thơ, thành lập thủ phủ “Phật giáo liên hiệp hội”. Dụng ý của Nhật là cho mở rộng phạm vi hoạt động không chỉ dành riêng cho tổ chức Hòa Hảo phát triển. Tuy nhiên Lê Công Bộ, một tên tay sai của hiến binh Nhật không được Nhật cử làm chủ tịch, mà đưa ông Huỳnh Phú Sổ ra nắm chức vụ này. Bộ chỉ làm cố vấn, nhưng mọi việc đều do Bộ chủ trương, theo sự chỉ dẫn của bọn hiến binh Nhật. Người Nhật đã chuyển hướng một

tổ chức truyền đạo lúc đầu trở thành một hiệp hội hoạt động chính trị có vũ trang, ủng hộ cuộc xâm nhập của Nhật vào Việt Nam, bằng thuyết Đại Đông Á, người Á đông tự làm chủ châu Á!

"Tài liệu này được tổng hợp xong ngày 10 tháng 9 năm 1953, do Phòng nhì quân đội Pháp tại Đông Dương đúc kết.

"Ký tên: A.M. Sa-va-ni".

"Hồ sơ tuyệt mật. Số... SR/VN

Bạc Liêu, ngày 12 tháng 3 năm 1942.

Chánh ty Liêm phóng Bạc Liêu.

Kính gửi ngài Chánh Sở Liêm phóng Nam Kỳ tại Sài Gòn. Đồng kính gửi ngài Trưởng phòng đặc vụ Tòa Thống Đốc.

Kính thưa ngài.

Thi hành mật điện số... ngày 2 tháng hai năm 1942, bản Ty đã bố trí người của ta bên cạnh Huỳnh Phú Sổ làm đồ đệ và đã được ông ta tin cậy. Người này có tên là Trần Văn Soái, 46 tuổi, quê quán Kiến An, tỉnh Long Xuyên. Nguyên y là chủ một xe đồ, bị phá sản vì xe y cán chết người cách đây hai năm. Soái tình nguyện làm nhân viên mật cho Ty tôi đã được ba năm, có năng lực, can đảm và trung thành.

Ty tôi bảo đảm Soái sẽ hoàn thành công việc được Ngài giao.

Hiện nay Soái đã qui tụ được một số đàn em, cũng lấy danh nghĩa bảo vệ "Đức Thầy", thành lập trung đội vũ trang, lực lượng có thể lên tới đại đội, nếu như số vũ khí người Nhật chịu cấp đủ. Các tổ chức đội lốt tin đồ của hiến binh Nhật cũng đang lợi dụng danh nghĩa Hòa Hảo, trong ba tỉnh Châu Đốc, Cần Thơ và Long Xuyên. Theo sự tiết lộ của Lê Công Bộ, tên này được Nhật tin dùng: Quân Nhật sẽ cấp vũ khí cho tất cả số đó để đẩy mạnh phong trào chống Pháp, ủng hộ Nhật. Đề nghị Ngài Chánh Sở ra lệnh cho các Ty kịp thời phối kiểm.

Trân trọng kính chào Ngài.

Thuộc cấp tận tụy trung thành của Ngài.

Ký tên và đóng dấu".

"Hồ sơ tuyệt mật.

Số... SR/VN.

Sài Gòn ngày 16 tháng 9 năm 1942.

Chánh Sở Liêm phóng Nam kỳ.

Kính gửi Ngài Trưởng phòng đặc vụ Tòa Thống đốc.

Đồng kính gửi Ngài Chánh Sở Liêm phóng
Liên bang Đông Dương "kính tường".

Kính thưa Ngài,

Cơ quan hiến binh Nhật có ý định đưa ông Huỳnh Phú Sổ, lãnh tụ Phật Giáo Hòa Hảo về Sài Gòn, nhằm đạt hai điều có lợi cho họ:

1) Trên danh nghĩa "cứu" ông ta ra khỏi sự quản chế của nhà đương cục Pháp, Nhật sẽ tạo được uy tín với cả trăm ngàn tín đồ Hòa Hảo trong các tỉnh miền Tây.

2) Người Nhật giữ ông Sổ bên cạnh họ ở ngay Sài Gòn, cốt để cho bọn tay chân lợi dụng danh nghĩa ông ta, tổ chức vũ trang, lấy cớ bảo vệ đạo, đánh chiếm từng vùng. Hiện Nhật đang dùng các lực lượng vũ trang này chống lại các cơ quan địa phương, và chiếm một số xã biên giới Miền - Việt.

Để đối phó với những hành động trên chúng tôi đã làm một số việc sau đây:

- Tuyên bố bãi bỏ lệnh quản chế ông Sổ tại Bạc Liêu. Chúng tôi thiết nghĩ, nếu người Nhật đưa ông ta lên Sài Gòn, chúng ta ngăn trở, tự nhiên chúng ta đã tạo sự chống đối của hàng ngàn tín đồ, và quân Nhật dựa cớ vẫn can thiệp được. Bãi bỏ lệnh quản chế trước, ông

Sổ tự ý đi khỏi Bạc Liêu, hay hiến binh Nhật đón đi, chúng ta đã không mất uy tín, lại không mất lòng tín đồ đạo Hòa Hảo.

- Chúng tôi đã gài người vào hàng ngũ thân cận của ông Sổ, cũng vận động được cấp vũ khí do Nhật chủ trương, tương kế tựu kế, cũng cướp bóc, lấn chiếm, lợi dụng giả danh tranh giành quyền lợi lẫn nhau, gây xáo trộn, chúng ta có cơ can thiệp mà không mất lòng người Nhật.

Với những việc làm nêu trên, chúng tôi vẫn luôn luôn tuân lệnh của ngài Thống đốc Nam Kỳ, không khiêu khích, không gây hấn với quân đội Nhật trong giai đoạn này.

Trân trọng kính chào Ngài. Thuộc cấp tận tụy và trung thành của Ngài.

Ký tên và đóng dấu".

"Hồ sơ tuyệt mật. Số... SR/VN

(Phòng Tình báo quân đội viễn chinh Pháp tổng hợp gửi lên Phòng đặc vụ Cao ủy Pháp ngày 2/6/1953).

"Ngày 15 tháng 7 năm Ất Sửu (1925), tại tư dinh ông đốc phủ sứ Ngô Quang Chiêu, nguyên quận trưởng quận Phú Quốc, trong một buổi cầu cơ linh ứng, vị thần giáng cơ tự xưng

là Đức Cao Đài tuyên phán cho ông Chiêu lập nền đạo mới, hợp các tôn giáo cổ truyền thành quốc giáo để nắm lấy vận mệnh nước Việt Nam.

Ông Chiêu đem việc này bàn với số bạn thân, trong số đó, có Lê Văn Trung cựu thông phán, đương kim nghị viên Hội đồng thuộc địa, Phạm Công Tắc cựu nhân viên quan thuế. Sau đó được sự hỗ trợ của lớp người có chức phận, giàu có trong xã hội lúc bấy giờ, ông Chiêu tuyên bố thành lập đạo Cao Đài.

Ông ta soạn thảo ra giáo lý. Nội dung giáo lý mang tính chất tổng hợp các hệ tư tưởng Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Tu tiên và ít nhiều có bị ảnh hưởng về Thiên chúa giáo. Chủ yếu tuyên truyền một lòng tin vào thượng đế duy nhất, nhìn nhận có linh hồn và linh hồn đầu thai liên kiếp. Con người sinh tồn trong luật luân hồi, kiếp sau phải chịu hậu quả của người thuộc kiếp trước. Cũng như các tôn giáo khác, Cao Đài dạy tín đồ thờ cúng phật thần, linh hồn người chết, hiếu lễ trong gia đình, nhân đức ngoài xã hội. Luân lý cơ bản xếp gọn trong năm điều cấm, bốn điều giữ, tám điều dưỡng, dẫn tới hạnh phúc lâu bền. Khuyến khích ăn chay trường (không ăn các loại thịt cá trồn đời), ăn chay có thời kỳ lễ cúng hoặc thời hạn

kiêng cử, theo âm lịch. Truyền bá cho tín đồ học thuộc những kinh kệ thông thường đọc mỗi ngày, trau dồi đức tin và cầu phúc, giảm bớt trầm luân giữa cuộc đời được chấp nhận là bể khổ. Tối tối tín đồ cúng lạy trước bàn thờ, trên bàn bày hoa quả, trà rượu và đốt hương, đọc bốn lần bản kinh cầu nguyện hàng ngày.

"Ngày 15 tháng Chạp năm Bính Dần (tháng 11 năm 1926), một buổi lễ cầu cơ được tổ chức, có đông người tham dự, gồm số sáng lập viên và các đại tông đồ. Đức Cao Đài giảng cơ phán dạy: "Thay mặt Thượng đế, đấng chí tôn là ta, Thích-ca Mâu-ni là ta, Giê-su Ki-tô là ta. Hãy chọn vùng đất dưới chân núi Bà Đen ở Tây Ninh làm Tòa Thánh phụng thờ ta.

"Không bao lâu dưới chân núi Bà Đen, gần tỉnh Tây Ninh, cách Sài Gòn 100 cây số về hướng tây bắc, một ngôi đền to lớn, màu sắc sặc sỡ nổi bật trên nền huyền của quả núi. Đó là Tòa Thánh Cao Đài. Đền kiến trúc nửa giống chùa Phật, nửa giống nhà thờ Thiên chúa giáo. Thị trấn Tây Ninh với đền thờ nguy nga ấy, từng làm cho khách nước ngoài đến viếng không khỏi ngạc nhiên khi đứng trước một bức họa tại cửa ra vào đền, vẽ hình Tôn Dật Tiên (nhà cách mạng tư sản dân tộc Trung Hoa). Trạng

Trình (Việt Nam) và Vích-to Huy-gô (Victor Hugo - văn hào người Pháp). Cả ba mặc phẩm phục Hàn Lâm Viện sĩ kiểu Pháp, có vòng hào quang trên đầu giống các tượng thánh ở những nhà thờ đạo Thiên chúa. Dưới bức hình lớn đó có khắc mấy chữ: "Nhân ái và Công lý". Bên trong đền thờ tượng Phật Thích ca, Khổng Tử, Lão Tử và cả chúa Giê-su. Cột đền lớn hơn vòng tay người ôm, mỗi cột đắp một con rồng lượn khúc, màu sắc sặc sỡ. Khắp nơi trong đền tô đắp các hình long, lân, qui, phụng, đủ màu chói chang, rườm rà, như những phức tạp, rắc rối huyền bí của giáo lý, có thể hợp với vẻ thâm trầm của phương Đông, nhưng xa lạ với người Tây phương vốn ưa chuộng điều rõ ràng, chính xác.

"Chỉ vì năm sau đạo Cao Đài phát triển khá mạnh, ảnh hưởng rộng khắp vùng Tây Ninh và một số tỉnh miền Đông. Lê Văn Trung liền tổ chức một buổi cầu cơ, trong buổi cầu này, Đức Cao Đài giảng cơ, tuyên phán giao cho Trung làm giáo chủ, ông Chiêu là người khởi xướng, sáng lập bị gạt ra ngoài. Nắm được quyền, Trung liền tổ chức ngay một bộ máy hành chánh giống như một nhà nước tôn giáo của Đức giáo hoàng La mã. Trung làm giáo chủ có quyền tối

cao, dưới là hàng giáo phẩm, lấy số 3 theo giáo lý hợp ba tôn giáo làm bội số phân cấp: ba vị Đại đầu sư, 36 tổng phối sư, 72 phối sư, 3000 mục sư (tương đương với chức linh mục của Thiên Chúa giáo), cuối cùng là chức Phó tế, cấp này không có con số giới hạn. Phụ nữ cũng có hàng giáo phẩm riêng. Từ đó bắt đầu xây các đền thờ cho từng địa phương, do sự đóng góp của tín đồ, gọi là: "Thánh thất Cao đài Tam kỳ phổ độ". Những người có địa vị xã hội, lớp giàu có, được đưa ra trông coi các thánh thất đó, giữ cấp chức sắc, kể cả hàng ngũ giáo phẩm trung ương trở xuống cũng vậy. Đến năm 1932 đã có nhiều thánh thất mọc lên ở các tỉnh Mỹ Tho, Chợ Lớn, Gia Định, Thủ Dầu Một, Bến Tre, tín đồ đã có trên trăm ngàn.

"Đúng vào thời kỳ này trong nội bộ xảy ra tranh chấp quyết liệt. Dựa vào thời cơ thuận lợi, ông Phạm Công Tắc, một trong số sáng lập viên, liền tổ chức cầu cơ. Đức Cao Đài phán dạy, giao cho ông Tắc thay Trung làm giáo chủ. Nắm quyền rồi, ông Tắc tự đổi tên xưng mình là "Đức Hộ Pháp", thay vì giáo chủ. Từ lâu ông Tắc đã bí mật lập một tổ chức kín có tên là "Phận môn", qui tụ được khoảng ngàn tín đồ tin cậy, cắt máu ăn thề thần phục ông Tắc,

sống chết tuân theo lời và bảo vệ ông ta. Chính nhờ tổ chức này ông Tác dễ dàng ổn định được nội bộ. Ngay sau khi nắm quyền tối cao, ông Tác thành lập Hội đồng Tòa thánh, chính hội đồng này đưa Trung ra xử tội tham ô công quỹ, và đã dẫn dắt đạo sai đường lối của Đức Cao Đài. Trung bị gạt ra khỏi hàng giáo phẩm, không đầy một năm sau, Trung chết đột ngột (1934).

"Năm 1934, ông Tác tổ chức lại nội bộ. Tại Tòa Thánh lập thành 9 Bộ, giống như một nội các chính phủ. Toàn miền Nam chia thành 5 vùng, dưới nữa là quận, xã. Đó là hệ thống hành pháp. Về lập pháp có Hội đồng tối cao và Đại cộng đồng. Tư pháp có hai tòa án, tòa án tôn giáo và tòa án tín đồ. Ngoài ra để có tiền hoạt động, ông Tác đã tổ chức hệ thống kinh tài mệnh danh là cơ quan từ thiện, xây dựng từ cấp trung ương đến cơ sở địa phương, qui mô chặt chẽ, tìm mọi cách phát triển tài chính. Có tiền rồi, ông ta cho sửa lại Tòa thánh, lập thành ba phần riêng biệt gọi là tam vị: Thánh thần, Thể xác và Linh hồn. Bàn thờ ở chính giữa, gọi là bát quái đài, thờ Đức Cao Đài, phía dưới có cửu trùng đài, tượng trưng cho 9 đẳng cấp của hàng giáo phẩm. Phía trên bát quái đài thờ Thượng đế, nơi có đắp một con mắt tượng

trưng gọi là "THIÊN NHÂN". Phía dưới trước bàn thờ Đức Cao Đài, gọi là Hiệp Thiên đài, nơi các vị lãnh đạo đạo pháp hợp thông với đẳng tối cao bằng hình thức cầu cơ.

"Sau khi đã củng cố xong tổ chức nội bộ và sửa lại đền thánh, ông Tác đã tạo được một thời cực thịnh của đạo Cao Đài, với trên ba trăm ngàn tín đồ! Từ tham vọng đưa đạo Cao Đài lên hàng quốc giáo đến tham vọng chính trị, mưu đồ vận mệnh quốc gia, ông Tác ra mặt chống lại nhà đương cục Pháp. Kết quả ngày 21/8/1941, Phủ Toàn quyền Pháp ra lệnh bắt ông ta, sau đó đày đi Ma-da-gat-sca (Madagascar)⁽¹⁾ và quân đội Pháp đóng chiếm Tòa Thánh Tây Ninh.

"Năm 1943, dưới sự bảo trợ của người Nhật, Trần Quang Vinh, cựu thư ký sở Mỹ thuật của Pháp, một trong số chức sắc của Cao Đài được cử qua Nam Vang làm đại diện khi ông Tác còn tại vị, trở về nắm quyền giáo chủ. Được hiến binh Nhật khuyến khích và cấp vũ khí, Vinh thành lập lực lượng vũ trang được ba ngàn người, giúp Nhật làm đảo chính Pháp.

"Sau tháng 8 năm 1945, số đông tín đồ

(1) Một đảo thuộc Pháp cai trị.

Cao Đài tham gia Việt Minh. Riêng hệ phái Bến Tre, ông Cao Triều Phát cầm đầu từ lâu tách ra khỏi hệ phái Tây Ninh, đã đưa toàn bộ tín đồ theo Việt Minh chống Pháp cho đến cùng.

“Khi quân đội Pháp chiếm lại Sài Gòn, Vinh đã kéo theo một số vũ trang còn lại ra hàng. Nhà đương cục Pháp công nhận đạo Cao Đài Tây Ninh, dùng lực lượng của Vinh làm lính bổ sung, trả lương và cấp thêm vũ khí. Ngày 12 tháng tám năm 1946, theo lệnh của chính phủ Pháp, và sau khi ông Tắc chấp thuận những điều kiện, ông được đưa về Tây Ninh, nhận làm Hộ pháp như cũ. Tại Tòa Thánh Tây Ninh, ông ta đã tuyên bố trước nhà đương cục Pháp và báo chí: “Sự hiện diện của Pháp ở Đông Dương là cần thiết. Cao Đài hoàn toàn tín nhiệm nước Pháp về việc vấn hồi an ninh cho xứ sở này. Đạo Cao Đài Tây Ninh, lực lượng vũ trang do ông lãnh đạo, hợp tác với quân viễn chinh Pháp chống lại hiểm họa cộng sản, ủng hộ một chính phủ trong liên hiệp Pháp”.

“Lực lượng vũ trang của ông Tắc lớn mạnh dần, ông ta chính thức phong cấp thiếu tướng cho Tư lệnh trưởng Nguyễn Văn Thành, thiếu tướng cho chỉ huy trưởng Cơ thánh vệ Nguyễn Thành Phương, cấp đại tá cho Trình Minh Thế,

Dương Văn Đang, Lê Văn Tất, cùng nâng cấp cho các sĩ quan khác.

“Bộ tư lệnh Pháp xác nhận: việc cấp vũ khí trả lương rộng rãi cho lực lượng Cao Đài Tây Ninh là chính đáng. Theo bản tổng kết của phái bộ Cao Đài Tây Ninh làm việc bên cạnh quân đội Pháp, chỉ từ tháng 1 năm 1947 đến tháng 12 năm 1948, quân của ông Tắc đã có 400 chết và trên 500 bị thương, đủ đánh giá công lao của ông Tắc và các sĩ quan cấp dưới đối với nền an ninh của xứ sở này.

“Tuy nhiên trong nội bộ Cao Đài Tây Ninh, các tướng tá thường tranh giành địa vị, quyền lợi, có lúc rất quyết liệt như vụ Trình Minh Thế không chịu Nguyễn Văn Thành đã kéo hơn hai ngàn quân ra rừng, tuyên bố ly khai, tự ý thành lập “Mặt trận quốc gia liên minh”, dù ông Tắc đã phong cho Thế lên thiếu tướng, giữ chức tham mưu trưởng. Sau vụ này, ông Tắc phong cho Nguyễn Thành Phương lên trung tướng làm tư lệnh, thay Nguyễn Văn Thành.

“Ông Tắc vốn có tham vọng khá lớn, mà lại táo bạo. Chính nhờ vậy mà ông ta đã ổn định được phần nào sự rối loạn trong nội bộ quân đội, phát triển được cả hai mặt: đạo và vũ trang. Ông ta còn cử các chức sắc qua Cao

Miền, Pháp, thu thập tổ chức tín đồ sau khi đã tổ chức được tín đồ ở Bắc Việt và Trung Việt. Nuôi ý đồ làm chủ các tôn giáo, ông ta tự phong mình là "Đức Thượng tôn quán thế", hy vọng đem lại thời hoàng kim vua chúa xưa cho đất nước. Với ảo tưởng đó, ông ta đã tự sáng chế ra các loại phẩm phục cho các loại chức sắc, và cả chính ông ta, loại áo mào như phường hát Trung Hoa: áo dài thụng màu vàng, áo xẻ giữa từ cổ xuống đến gối với hai hàng khuy cỡ lớn, ngang hông buộc dây lụa đỏ, ngoài choàng áo màu xanh tươi, loại áo hiệp sĩ đạo. Đầu đội nón chóp dứa, trang trí nhiều màu sắc, có dây thao rủ xuống dưới cằm. Ông ta xây riêng một biệt cung đặt tên là "Trí huệ cung" theo kiểu vua chúa, tuyển các nữ đồng trinh gọi là thờ phượng thánh thần, túc trực ngày đêm. Ba chữ "Trí-huệ-cung" được giải thích là nơi tạo ra sự minh mẫn, thông giao với đức Cao Đài và Thượng đế.

"Cái ảo tưởng lỗi thời của ông Phạm Công Tắc đã làm cho các cấp chỉ huy quân sự cũng như hành chánh nhà đương cục Pháp sau này, không còn phải lo ngại, trái lại còn dành cho ông ta nhiều ưu đãi. Chúng ta hãy tự phê phán nhà cầm quyền trước đây, không đi sâu nghiên

cứu rõ thực chất của ông Tắc, để phải bắt ông ta đưa đi đày, vừa là một ngộ nhận đáng tiếc, vừa bỏ lỡ một cơ hội hợp tác như sau này, tạo cơ hội cho người Nhật lợi dụng chống phá ta từ cuối năm 1944, và trong cả cuộc đảo chính của Nhật 1945.

Ký tên: A.M. Sa-va-ni".

"Phụ lục bổ sung: Cách cầu cơ của đạo Cao Đài.

"... Trong một cuốn sách xuất bản tại Pháp năm 1931, nhan đề "Bịp đời - ảo thuật huyền bí" giải thích về cầu cơ như sau. Cơ, phiên âm tiếng Pháp Coeur, có nghĩa là trái tim. Người ta lấy một miếng ván thôi (áo quan chôn người chết khi bốc mộ vứt bỏ), gọt dẻo thành hình trái tim mỏng nhỏ bằng chiếc đĩa trà, không được sơn lại, chỉ để mộc sau khi đã mài nhẵn. Thêm một vài vật dùng khác, ba viên bi, một tờ bìa kẻ hai hàng chữ cái từ A, B, C đến X, Y, một hàng chữ số từ 0 đến 9. Bên dưới hàng chữ và con số có hai chữ "Có" và "Không".

Người ta chọn một căn phòng yên tĩnh, ba hay bốn người ngồi cơ quanh một bàn tròn, trên bàn đặt tấm bìa có kẻ chữ, trên bìa đặt miếng ván hình trái tim lên ba viên bi. Những người

ngồi cơ đặt nhẹ một ngón tay trở lên miếng cơ, số người tham gia ngồi vây quanh, hát một bài gì đó bằng một giọng êm dịu, có vẻ ma quái.

Không bao lâu, bằng một sự bí ẩn nào đó, miếng cơ lăn trên các viên bi chạy quanh các hàng chữ để giải thích sự phán bảo của Đức Cao Đài. Đó chính là lời phán truyền mà không một tín đồ nào được làm trái...

Ngày ... tháng ... năm 1953

Phòng **tình** báo quân đội viễn chinh **Pháp**
tổng hợp"

4

Từ trong phòng tiếp đón dân di cư, nơi dành cho những người đến ghi tên vào Nam, tại tòa thị sảnh Hà Nội, Vũ đi qua khoảng sân rộng đông nghẹt người, nằm ngời la liệt rất khó len chân. Ra đến bờ đường, anh nghe tiếng chào:

- Thưa thầy!

Vũ quay lại nhìn cô **gái** học **trò** cũ của mình:

- Ghi tên di cư hả?

- Thưa vâng. Hôm nay thầy mới ghi tên, chắc phải ít ngày nữa mới đi được. Gia đình em đi chuyển máy bay năm giờ chiều.

- Vậy hả? Còn ở lại được thêm ngày nào hay ngày ấy. Đi rồi, biết bao giờ trở về với cảnh cũ người xưa, bao nhiêu là kỷ niệm!

Cô gái thở dài, vẻ buồn thoáng hiện trên khuôn mặt còn vương nét thơ ngây, cặp mắt thật đen ngược lên nhìn Vũ:

- Chúng em chưa đi mà đã thấy nhớ trước rồi. Lúc đầu mẹ em không chịu đi, định về quê ngoại, nhưng bố em cứ bắt đi. Bố em có đi lính Pháp mấy năm, ở lại sợ Việt Minh bắt tội, vừa rồi lại chót nhận tiền ký tên tình nguyện, không từ chối được nữa, cả nhà đành phải đi theo.

Vũ tò mò:

- Ký tên tình nguyện làm gì?

Cô gái tỏ ra ngạc nhiên:

- Thế thầy chưa biết có nhiều người đã ký tên tình nguyện đi lính cho ông Diệm sao? Mỗi người ký tên đi Nam được lãnh ba tháng lương trước, gia đình vào trong đó được họ lo chỗ ăn ở ngay, không sợ bơ vơ. Ở giáo xứ em có đông người tình nguyện, sau khi Cha xứ khuyên mọi gia đình theo Cha vào Nam. Cha hứa, vào đó sẽ

xây nhà thờ to đẹp hơn. Cha con lại quy tụ lập xứ.

Cô gái quay nhìn vào phía Tòa thị sảnh, chỉ cho Vũ thấy:

- Đây là Cha của xứ họ em đây. Hôm nay Cha đi với đoàn cuối cùng, trong đó có gia đình em.

Vũ nhìn theo bóng chiếc áo dài đen tu sĩ thấp thoáng chuyển động trong đám đông người. Anh hỏi lại:

- Bố em đã lớn tuổi cũng còn đăng lính được sao?

- Thưa, mới bốn mươi. Những người trước kia có đi lính Pháp rồi, dù có lớn tuổi nhưng từ cấp đội, quân trở lên vẫn được tuyển lại phong thêm một cấp. Vào trong Sài Gòn, bố em sẽ là thiếu úy. Mẹ em nghe bố em nói là đi lính bây giờ không phải đánh nhau vì đình chiến rồi mà, nên cũng bớt lo.

Vũ từ ghế cô học trò nhỏ, vượt qua đường sang bờ hồ Hoàn Kiếm. Chiếc tàu điện âm ỉ chạy qua chậm chậm, trông qua cửa, khách không đông như dạo nào. Mưa bụi không ngừng phủ xuống, bầu trời vẫn đục, rặng liễu cúi đầu, mặt hồ lặng xanh như tấm thảm. Hai bên đường

Hàng Trống, Duy Tân, những cửa hàng đóng cửa im lìm, bọn giàu có đã xa chạy cao bay từ bao giờ. Đó là số người không chút bản khoán, vương vãi, khi trốn bỏ quê hương, tìm đến nơi mà họ tin là vùng đất Hứa.

Vũ lầm lũi bước đi trên vỉa hè, thẳng xuống phố Huế, dưới rặng sấu già quen thuộc. Anh nghĩ đến âm mưu của đế quốc Mỹ đang kéo dân, mộ lính. Phải chăng địch đang tích cực xây dựng lực lượng cho tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm, chuẩn bị tiếp tục chiến tranh, chống phá hiệp định đình chiến hay chúng chỉ mua chuộc cử tri cho cuộc tổng tuyển cử hai năm sắp tới?

Vũ dừng lại trước cửa quán cà phê còn mở bán. Người chủ quán này cố vét thêm tiền cho đến lúc rời đi, hay sẽ ở lại? Trong quán rất đông khách; khách những nơi khác không còn mở cửa cũng gom lại ở đây. Bên kia đường, rạp Đại Nam như ngủ say trong hai tấm cửa sắt kéo kín tự bao giờ. Tấm bảng quảng cáo còn treo trên tường, vẽ cô gái Pháp đứng bên cửa sổ ngó vào khoảng không đầy tuyết phủ. Hàng chữ kẻ xéo nét rất đẹp "*Feuilles d'Automne*". Vũ chợt nhớ nội dung cuốn phim "*Lá mùa thu*" này, tả lại cảnh quần quai của những người vợ

lính Pháp trong tay quân phát-xít Đức, khi chúng đang làm chủ thành phố Ba Lê! Chẳng lẽ khi coi đoạn phim này, những tên lính thực dân ở đây không nhớ đến cảnh nhục nhã của vợ con chúng trước đây sao? Trước cửa quán cà-phê cũng còn tấm bảng dựng nghiêng, cả hai mặt đều kẻ chữ "Paradis"⁽¹⁾ trên nền xanh có rải rác những vì sao óng ánh. Vũ bước vào. Hai dãy bàn ghế bằng mây khá sang, không còn chỗ trống. Khách ngồi im lặng, họ đang thả hồn theo bản nhạc buồn, giọng ca Khánh Ngọc, trầm trầm nức nở, day dứt người nghe. Quán không mấy rộng, nhưng rất sâu, Vũ chậm chậm bước mãi vào bên trong, le lói vài bóng đèn màu, không làm giảm cảnh âm u khiến Vũ có cảm tưởng đang đi trên con đường vào sâu lòng đất, vào sâu địa ngục, không hợp với tên quán "Thiên đường". Anh tìm được chỗ trống trong góc cùng, ngồi ngả lưng vào thành ghế, có thể nhìn suốt ra tận ngoài. Một nhóm mười tên lính Pháp còn ở lại, chúng cũng im lặng, không âm ỉ như trước đây, ngây ngô ngắm những ly rượu đã vơi. Có lẽ hơi men làm cho chúng thấm nỗi buồn thân phận. Còn lại hầu hết là những thanh niên đang tập vào đời với hàng ria mép thời trang,

(1) "Thiên đường".

với vẻ ngông nghênh thách thức. Chưa hiểu đời, chúng đã vội chán đời, gục đầu trong khói thuốc, hơi men, mặt còn non nhưng miệng phát ngôn toàn những lời chai sạn. Chắc là chúng đang chờ đến lượt đi, và trong tương lai con đường dễ đi nhất đối với chúng là làm lính đánh thuê cho giặc.

- Ông uống cà-phê?

- Vâng, một phin.

Người hầu bàn đến gần hỏi, Vũ trả lời. Ly cà-phê mang đến, Vũ vừa chạm rai nhấm nháp, vừa ngắm những bộ mặt thần thờ, ngây ngất theo giọng hát, lời ca đang cuốn hút họ, xô đẩy những tâm hồn non dại vào bùn lầy sa đọa, tội lỗi!

Mùa đông trời thật mau tối. Khi Vũ ra khỏi quán, đèn đường đã bật sáng. Vẫn ánh sáng quen thuộc đó trên đường phố Hà Nội, nhưng đêm nay Vũ thấy có gì khác. Anh được biết là trong nhiều ngày nay, anh em công nhân đã bám xương, đấu tranh không cho địch gỡ máy đem đi. Địch phải rút chạy, nhưng Hà Nội điện vẫn sáng!

Vũ kéo vành mũ thấp ngang tầm mắt. Mưa phùn tung bụi nước xuống mặt đường ướt sũng,

gió thổi mạnh Vũ muốn đi thật lâu trong đêm Hà Nội giá lạnh này, nhưng lại thấy nôn nóng muốn bay ngay vào địa bàn hoạt động trong kia, bắt tay vào công việc để được hòa nhịp vào những hoạt động âm thầm nhưng sôi sục của Hà Nội. Sài Gòn và miền Nam không còn xa lạ, đáng lo ngại như lúc đầu anh mới nhận được lệnh đi, mà qua nghiên cứu tài liệu, qua dặn dò của thủ trưởng, thảo luận với anh Thành Minh, Vũ thấy trong đó trở nên quen thuộc và giục giã anh. Tám giấy hẹn ngày đi đã nằm trong túi, anh sẽ lên đường mấy ngày trước khi quân Pháp rút khỏi thủ đô, Vũ ngửa mặt nhìn lên hai rặng cây bên đường, hai dãy đèn, những mái nhà yên lặng trong mưa, lẩm bẩm:

- Tạm biệt Hà Nội thân yêu!

